TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:06/QĐ-TA	*Lắk, ngày 13 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng biện pháp xử lý hành chính
đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần tiến hành phiên họp gồm có:

1. *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp*: Ông Lê Quốc Định.

2. *Thư ký phiên họp*: Ông Nguyễn Văn Bách – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 13 tháng 10 năm 2017, tại Hội trường B – Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk tiến hành phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định mở phiên họp số: 06/ QĐ - TA ngày 06 tháng 10 năm 2017 đối với:

Họ và tên: Tăng Văn N; Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 20 tháng 7 năm 1979.

Dân tộc: Nùng.

Tôn giáo: Không

Trình độ văn hoá: 8/12

Nguyên quán: Huyện T, tỉnh C.

Hộ khẩu thường trú: Buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm Nông.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Con ông: Tăng Văn C (đã chết) và bà Lý Thị P.

(Có mặt tại phiên họp).

Có sự tham gia của:

1. Đại diện cơ quan đề nghị: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L. Ông Lê Đình N - Chức vụ: Phó phòng.

2. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên họp: Ông Y Ker Bkrông - Kiểm sát viên.

3. Những người khác tham gia phiên họp: Không

NHẬN THẤY:

Ngày 28/7/2017 Đội cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự- kinh tế - môi trường công an huyện L, tỉnh Đắk Lắk phát hiện Tăng Văn N có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà riêng của mình tại Buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên bàn giao cho công an xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và đưa Tăng Văn N đi xét nghiệm ma túy tại Trạm tế xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Theo kết qủa xét nghiệm của Trạm y tế xã K thì Tăng Văn N dương tính với ma túy, loại Hêrôin. Quá trình điều tra Tăng Văn N khai nhận bắt đầu sử dụng ma túy từ năm 2002 bằng hình thức mua ma túy và hít vào cơ thể từ một đến hai lần/ ngày, sử dụng đến năm 2004 thì tự cai nghiện tại gia đình. Đến năm 2008 tiếp tục sử dụng lại ma túy với hình thức như cũ cho đến năm 2012 thì tự cai nghiện tại gia đình. Đến cuối năm 2016 Tăng Văn N bắt đầu sử dụng lại chất ma túy bằng cách tiêm trực tiếp vào cơ thể mỗi ngày một lần, ngày 07/02/2017 bị Chủ tịch UBND xã K ra Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời hạn 06 tháng. Chấp hành được một thời gian thì đến đầu tháng 7 năm 2017 Tăng Văn N tiếp tục mua ma túy tiêm vào cơ thể mỗi ngày một lần cho đến ngày 28/7/2017 thì bị phát hiện. Vì vậy, Chủ tịch UBND xã K ban hành Quyết định số 120/QĐ-UBND về việc chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã phường và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Đại diện cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại phiên họp trình bày: Tăng Văn N là đối tượng nghiện ma túy đã được chính quyền địa phương giáo dục tại xã phường và cho cai nghiện tại cộng đồng nhưng bản thân vẫn không cai nghiện được và có hành vi sử dụng lại chất ma túy. Vì vậy, căn cứ vào Nghị định số: 221/2013/NĐ-CP, ngày 30/12/2013 của Chính Phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa

vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Thông tư số: 14/2014/TT-BLĐTBXH, ngày 12/6/2014 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc; Thông tư liên tịch số: 17/2015/TTLT-BYT-BLĐTBXH-BCA, ngày 09/7/2015 của Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an quy định thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy. Thông báo số: 06/TB-TP, ngày 27/9/2017 của phòng Tư pháp huyện L về việc thông báo kết quả kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Sau khi xem xét hồ sơ, căn cứ các văn bản quy định hiện hành và mức độ vi phạm của đối tượng Tăng Văn N; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lắk xem xét ban hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cở sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk để cai nghiện bắt buộc đối với Tăng Văn N với thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

Ý kiến của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại phiên họp trình bày: Thống nhất với cơ quan đề nghị về qúa trình sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2002 cho đến nay. Bản thân đã tự cai nghiện nhiều lần và đã được chính quyền địa phương giáo dục cho cai nghiện tại cộng đồng nhưng không cai nghiện được và tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy. Nay Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện L đề nghị Tòa án ra Quyết áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cở sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk với thời hạn 18 đến 24 tháng thì tôi chấp nhận nhưng mong Tòa án xem xét áp dụng mức thời gian thấp nhất để sớm được về nhà nuôi dạy con cái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk phát biểu ý kiến tại phiên họp: Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án về thụ lý hồ sơ, ra quyết định mở phiên họp và trình tự thủ tục tiến hành phiên họp; đảm bảo cho người tham gia phiên họp thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định. Đồng thời, căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm và phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của đối tượng Tăng Văn N, đề nghị Chủ tọa phiên họp áp dụng khoản 2 Điều 3 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, ngày

30/12/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; khoản 2 Điều 9; điểm b khoản 1 Điều 10; Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính để đưa Tăng Văn N vào cở sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk với thời gian từ 18 tháng đến 24 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên họp, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến tranh luận của đại diện cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và ý kiến của người bị đề nghị áp dụng.

XÉT THẤY:

Tăng Văn N là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định. Ngày 13/02/2017 bị Chủ tịch UBND xã K, huyện L ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời gian 06 tháng. Tuy nhiên, khi chưa thi hành xong Quyết định giáo dục tại xã phường của Chủ tịch UBND xã K, huyện L thì vào đầu tháng 07 năm 2017 Tăng Văn N lại mua ma túy và sử dụng trái phép nhiều lần tại nhà riêng của mình, đến ngày 28/7/2017 thì bị phát hiện nên bị chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã phường. Căn cứ vào khoản 2, Điều 3 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, ngày 30/12/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Điều 95; khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính thì Tăng Văn N thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Vì vậy, việc công an xã K lập hồ sơ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L đề nghị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Tăng Văn N là có căn cứ. Hồ sơ đề nghị gồm có: Bản tóm tắt lý lịch; Bản tường trình của người vi phạm; Biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Phiếu xét nghiệm có kết quả dương tính với chất ma túy; Quyết định chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã phường và Văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện L là phù hợp với quy định tại Điều 9 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP, ngày 30/12/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; điểm a khoản 1 Điều 103; khoản 2 Điều 104 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Tăng Văn N là nguy hiểm cho xã hội, không những làm suy thoái về sức khỏe và đạo đức của bản thân mà còn làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tăng Văn N là người có đủ khả năng nhận thức tác hại của ma túy và hệ lụy của việc sử dụng chất ma túy nhưng vẫn vi phạm. Vì vậy, cần phải áp dụng mức thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hợp lý để được chữa bệnh và học tập thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội.

Trước khi bị phát hiện Tăng Văn N đã nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy và các lần vi phạm đó chưa hết thời hiệu xử lý nên bị áp dụng tình tiết vi phạm hành chính nhiều lần quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên họp đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi nên cần áp dụng khoản 2 Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính để giảm một phần thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc cho Tăng Văn N là hợp lý.

Xét mức thời gian đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Tăng Văn N của cơ quan đề nghị và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: khoản 2, Điều 3 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 221/2013/NĐ-CP, ngày 30/12/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Điều 95; khoản 1 Điều 96; khoản 2 Điều 9; điểm b, khoản 1, Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính; các Điều 3, Điều 22 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

2. Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Tăng Văn N.

3. Thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 18(Mười tám) tháng, tính từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nơi chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là Cở sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk.

4. Người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền khiếu nại, cơ quan đề nghị có quyền kiến nghị, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk có quyền kháng nghị trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án công bố quyết định.

5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

6. Cơ quan thi hành quyết định: Công an huyện L chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện L đưa người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- Trưởng phòng LĐ-TB& XH huyện L;
- Trưởng Công an huyện L;
- UBND xã K:
- Người bị áp dụng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Quốc Định

Mẫu số 04 (Kèm theo Công văn số 74/TANDTC-KHXX ngày 10-4-2014 của Toà án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN[1]……
————
Số……/QĐ-TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
————————————

...., ngày…..tháng …..năm …..

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng (không áp dụng) biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc[2]

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....[3]

Với thành phần tiến hành phiên họp gồm có:

1. Thẩm phán:.....

2. Thư ký phiên họp:.....

Ngày..... tháng..... năm....., tại.....[4] tiến hành phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo Quyết định mở phiên họp số..... ngày..... tháng..... năm..... đối với:

Họ và tên:.....Giới tính:.....
Sinh ngày:.....
Dân tộc:.....
Tôn giáo:.....
Trình độ văn hoá:.....
Nguyên quán:.....
Hộ khẩu thường trú:.....
Chỗ ở:.....
Tiền án:.....; tiền sự:.....
Con ông:..... và bà:.....
Có mặt (vắng mặt) tại phiên họp.

Có sự tham gia của:

1. Đại diện cơ quan đề nghị:.....

2. Đại diện Viện kiểm sát.....

3. Người đại diện hợp pháp của người bị đề nghị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc:

.....

4. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị:

.....

5. Những người khác:

.....

.....

NHẬN THẤY:(5)

.....

.....

.....

XÉT THẤY:(6)

.....

.....

.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng (không áp dụng)(7) biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với.....

.....

2. Thời gian chấp hành tại cơ sở giáo dục bắt buộc là..... tháng, kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở giáo dục bắt buộc.

3. Quyền khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với Quyết định.(8)

4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

5. Cơ quan thi hành quyết định:.....(9)

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại TAND;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ.

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 04:</u>

(1) và (3) Ghi tên Toà án có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; cần ghi rõ Toà án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân quận N, thành phố C).

(2) Trường hợp Toà án quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì bỏ cụm từ "(không áp dụng)".

(4) Ghi địa điểm Toà án tiến hành mở phiên họp (ví dụ: tại trụ sở Toà án nhân dân quận N, thành phố C).

(5) Ghi tóm tắt hành vi vi phạm của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; các ý kiến của đại diện cơ quan đề nghị, Viện kiểm sát, người bị đề nghị tại phiên họp.

(6) Đánh giá, phân tích của Thẩm phán về tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị; đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, mức độ nhận thức của người bị đề nghị áp dụng; về ý kiến của người tham gia phiên họp; lý do, căn cứ và sự cần thiết áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người bị đề nghị.

(7) và (9) Trường hợp Toà án quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì có điểm 2 và điểm 5 phần quyết định; trường hợp Toà án quyết định không áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì bỏ điểm 2 và điểm 5 phần quyết định.

(8) Ghi quyền khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị, thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị và thủ tục khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại các điều 30, 31 và 32 của Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân.

Mẫu số 05 (Kèm theo Công văn số 74/TANDTC-KHXX ngày 10-4-2014 của Toà án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN[1]……
———
Số……/QĐ-TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
———————————

...., ngày…..tháng …..năm …..

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng (không áp dụng) biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc[2]

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....[3]

Với thành phần tiến hành phiên họp gồm có:

1. Thẩm phán:.....

2. Thư ký phiên họp:.....

Ngày..... tháng..... năm....., tại.....[4] tiến hành phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định mở phiên họp số..... ngày..... tháng..... năm..... đối với:

Họ và tên:.....Giới tính:.....
Sinh ngày:.....
Dân tộc:.....
Tôn giáo:.....
Trình độ văn hoá:.....
Nguyên quán:.....
Hộ khẩu thường trú:.....
Chỗ ở:.....
Tiền án:.....; tiền sự:.....
Con ông:..... và bà:.....
Có mặt (vắng mặt) tại phiên họp.

Có sự tham gia của:

1. Đại diện cơ quan đề nghị:.....

2. Đại diện Viện kiểm sát.....

3. Người đại diện hợp pháp của người bị đề nghị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

.....

4. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị:

.....

5. Những người khác:

.....

.....

NHẬN THẤY:(5)

.....

.....

.....

XÉT THẤY:(6)

.....

.....

.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng (không áp dụng)(7) biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với.....

.....

2. Thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là..... tháng, kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Quyền khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với Quyết định.(8)

4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị mà không có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

5. Cơ quan thi hành quyết định:.....(9)

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại TAND;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 05:

(1) và (3) Ghi tên Toà án có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; cần ghi rõ Toà án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện T, tỉnh H).

(2) Trường hợp Toà án quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì bỏ cụm từ "(không áp dụng)".

(4) Ghi địa điểm Toà án tiến hành mở phiên họp (ví dụ: tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh H).

(5) Ghi tóm tắt hành vi vi phạm của người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; các ý kiến của đại diện cơ quan đề nghị, Viện kiểm sát, người bị đề nghị tại phiên họp.

(6) Đánh giá, phân tích của Thẩm phán về tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị; đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, mức độ nhận thức của người bị đề nghị áp dụng; về ý kiến của người tham gia phiên họp; lý do, căn cứ và sự cần thiết áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người bị đề nghị.

(7) và (9) Trường hợp Toà án quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì có điểm 2 và điểm 5 phần quyết định; trường hợp Toà án quyết định không áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì bỏ điểm 2 và điểm 5 phần quyết định.

(8) Ghi quyền khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị, thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị và thủ tục khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại các điều 30, 31 và 32 của Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân.

Mẫu số 06 (Kèm theo Công văn số 74/TANDTC-KHXX ngày 10-4-2014 của Toà án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN[1]……
———
Số……/QĐ-TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
———————————

...., ngày…..tháng …..năm …..

QUYẾT ĐỊNH
Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....[2]

NHẬN THẤY:

Sau khi ra Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.....[3] đối với……[4]

Ngày..... tháng..... năm.....,.....[5] có đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính,

XÉT THẤY:

Việc đề nghị hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính……[6] với lý do.....[7];

Theo quy định tại khoản 1 Điều 111 Luật xử lý vi phạm hành chính thì người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.....[8] có đủ các điều kiện được hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Căn cứ vào Điều 26 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính .....[9] đối với:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Sinh ngày:.....

Dân tộc:.....

Tôn giáo:.....

Trình độ văn hoá:.....

Nguyên quán:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở:.....

Tiền án:.....; tiền sự:.....

Con ông:..... và bà:.....

2. Giao người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cho.....(10) quản lý trong thời gian được hoãn chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

3.....(11) có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.....(12) khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với.....(13) không còn.

4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quy định tại Điều 31 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân.

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại TAND;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 06:</u>

(1) và (2) Ghi tên Toà án có thẩm quyền quyết định hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; cần ghi rõ Toà án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện T, tỉnh H).

(3), (6), (8), (9), (12) Ghi biện pháp xử lý hành chính bị áp dụng (ví dụ: đưa vào trường giáo dưỡng).

(4), (13) Ghi họ và tên người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

(5) Ghi họ và tên người có đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

(7) Ghi lý do đề nghị hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (ví dụ: người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đang ốm nặng).

(10) Ghi Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người được hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử

lý hành chính cư trú.

(11) Ghi tên cơ quan có trách nhiệm thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 110 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Mẫu số 07 (Kèm theo Công văn số 74/TANDTC-KHXX ngày 10-4-2014 của Toà án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN[1]……
———
Số……/QĐ-TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
———————————

...., ngày…..tháng …..năm …..

QUYẾT ĐỊNH
Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....[2]

NHẬN THẤY:

Sau khi ra Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính.....[3] đối với.....[4]

Ngày..... tháng..... năm.....,.....[5] có đơn đề nghị miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính,

XÉT THẤY:

Việc đề nghị miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.....[6] với lý do.....[7];

Theo quy định tại khoản 2 Điều 111 Luật xử lý vi phạm hành chính thì người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.....[8] có đủ các điều kiện được miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Căn cứ vào Điều 26 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính .....[(9)] đối với:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Sinh ngày:.....

Dân tộc:.....

Tôn giáo:.....

Trình độ văn hoá:.....

Nguyên quán:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở:.....

Tiền án:.....; tiền sự:.....

Con ông:..... và bà:.....

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quy định tại Điều 31 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân.

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại TAND;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 07:</u>

(1) và (2) Ghi tên Toà án có thẩm quyền quyết định miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; cần ghi rõ Toà án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện T, tỉnh H).

(3), (6), (8), (9) Ghi biện pháp xử lý hành chính bị áp dụng (ví dụ: đưa vào trường giáo dưỡng).

(4) Ghi họ và tên người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

(5) Ghi họ và tên người có đơn đề nghị miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

(7) Ghi lý do đề nghị miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (ví dụ: người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đang mang thai).

Mẫu số 08 (Kèm theo Công văn số 74/TANDTC-KHXX ngày 10-4-2014 của Toà án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN[1]……
———
Số……/QĐ-TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
———

...., ngày…..tháng …..năm …..

QUYẾT ĐỊNH

Giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính (miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại)[2]

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....[3]

NHẬN THẤY:

……[4] đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính……[5] tại……[6]

Ngày..... tháng..... năm.....,.....[7] có văn bản đề nghị giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính (miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại)[8];

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính (miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại)[9],

XÉT THẤY:

Việc đề nghị giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính (miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại)[10] với lý do.....[11];

Theo quy định tại khoản 1 Điều 112 Luật xử lý vi phạm hành chính thì người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.....[12] có đủ các điều kiện được giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính (miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại)[13].

Căn cứ vào Điều 27 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân,

QUYẾT ĐỊNH:

1.....[14] đề nghị của.....[15] về việc giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính (miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại)[16] đối với người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính.

2. Giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính (miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại)[17] là.....[18] đối với:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Sinh ngày:.....

Dân tộc:.....

Tôn giáo:.....

Trình độ văn hoá:.....

Nguyên quán:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở:.....

Tiền án:.....; tiền sự:.....

Con ông:..... và bà:.....

Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.....[19] của Toà án nhân dân.....[20]

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quy định tại Điều 31 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân.

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại TAND;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 08:</u>

(1) và (3) Ghi tên Toà án có thẩm quyền quyết định giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính (miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại); cần ghi rõ Toà án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện T, tỉnh H).

(2), (8), (9), (10), (13), (16), (17) Nếu giảm một phần thời gian chấp hành biện pháp xử lý hành chính thì bỏ cụm từ "(miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại)".

(4) Ghi họ và tên người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính được đề nghị giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính.

(5), (12), (19) Ghi biện pháp xử lý hành chính bị áp dụng (ví dụ: đưa vào trường giáo dưỡng).

(6) Ghi nơi chấp hành biện pháp xử lý hành chính (ví dụ: Trường giáo dưỡng số 4).

(7), (15) Ghi người có văn bản đề nghị giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính (ví dụ: Hiệu trưởng Trường giáo dưỡng số 4).

(11) Ghi lý do đề nghị giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính (ví dụ: người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đã chấp hành một nửa thời hạn, có tiến bộ rõ rệt).

(14) Ghi "Chấp nhận" hoặc "Không chấp nhận".

(18) Ghi thời hạn được giảm (nếu giảm một phần thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính).

(20) Ghi tên Toà án đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Mẫu số 09 (Kèm theo Công văn số 74/TANDTC-KHXX ngày 10-4-2014 của Toà án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN[1]……
———
Số……/QĐ-TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
———————————
...., ngày…..tháng …..năm …..

QUYẾT ĐỊNH
Tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....[2]

NHẬN THẤY:

……[3] đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính……[4] tại……[5]

Ngày..... tháng..... năm.....,.....[6] có văn bản đề nghị tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính,

XÉT THẤY:

Việc đề nghị tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính với lý do.....[7];

Theo quy định tại khoản 2 Điều 112 Luật xử lý vi phạm hành chính thì người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.....[8] có đủ các điều kiện được tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính.

Căn cứ vào Điều 27 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân,

QUYẾT ĐỊNH:

1.....[9] đề nghị của.....[10] về việc tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính đối với:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Sinh ngày:.....

Dân tộc:.....

Tôn giáo:.....

Trình độ văn hoá:.....

Nguyên quán:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở:.....

Tiền án:.....; tiền sự:.....

Con ông:..... và bà:.....

Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.....(11) của Toà án nhân dân.....(12)

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quy định tại Điều 31 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân.

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại TAND;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 09:</u>

(1) và (2) Ghi tên Toà án có thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính; cần ghi rõ Toà án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện T, tỉnh H).

(3) Ghi họ và tên người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính được đề nghị tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính.

(4), (8), (11) Ghi biện pháp xử lý hành chính bị áp dụng (ví dụ: đưa vào trường giáo dưỡng).

(5) Ghi nơi chấp hành biện pháp xử lý hành chính (ví dụ: Trường giáo dưỡng số 4).

(6), (10) Ghi người có văn bản đề nghị giảm thời hạn chấp hành biện pháp xử lý hành chính (ví dụ: Hiệu trưởng Trường giáo dưỡng số 4).

(7) Ghi lý do đề nghị tạm đình chỉ chấp hành biện pháp xử lý hành chính (ví dụ: người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính bị ốm nặng phải đưa về gia đình điều trị).

(9) Ghi "Chấp nhận" hoặc "Không chấp nhận".

(12) Ghi tên Toà án đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Mẫu số 10 (Kèm theo Công văn số 74/TANDTC-KHXX ngày 10-4-2014 của Toà án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN[1]……
———
Số……/QĐ-TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
———————————

...., ngày…..tháng …..năm …..

QUYẾT ĐỊNH
Giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....[2]

Với thành phần tiến hành phiên họp gồm có:

1. Thẩm phán:……

2. Thư ký phiên họp:……

Ngày..... tháng..... năm....., tại.....[3] tiến hành phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị của[4]..... đối với Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm.....của Toà án nhân dân..... về việc.....[5] đối với:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Sinh ngày:.....

Dân tộc:.....

Tôn giáo:.....

Trình độ văn hoá:.....

Nguyên quán:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở:.....

Tiền án:.....; tiền sự:.....

Con ông:…..…… và bà:…..……

Có mặt (vắng mặt) tại phiên họp.

Có sự tham gia của:(6)

……
……
……

NHẬN THẤY:(7)

……
……
……

XÉT THẤY:(7)

……
……
……

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:(8)

……
……
……

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại TAND;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 10:</u>

(1) và (2) Ghi tên Toà án có thẩm quyền xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh N).

(3) Ghi địa điểm Toà án tiến hành phiên họp (ví dụ: tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N).

(4) Ghi tên người, cơ quan đã khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

(5) Ghi loại quyết định bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị quy định tại Điều 29 Pháp lệnh trình tự,

thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân (ví dụ: áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc).

(6) Ghi những người tham gia phiên họp theo quy định tại khoản 4 Điều 33 của Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân.

(7) Ghi quyết định của Toà án theo quy định tại Điều 35 của Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Toà án nhân dân.

(8) Ghi tóm tắt nội dung Quyết định của Tòa án nhân dân bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị; nội dung khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị; ý kiến của những người tham gia phiên họp xem xét, khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị.

(9) Đánh giá, phân tích của Thẩm phán về khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị; nội dung khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị; đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, mức độ nhận thức của người bị đề nghị áp dụng; ý kiến của người tham gia phiên họp; lý do, căn cứ và sự cần thiết áp dụng (không áp dụng) biện pháp xử lý hành chính đối với người bị đề nghị.